

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2017/LHST

Ngày: 27/11/2017

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Tâm

Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Minh

2/ Ông Nguyễn Sơn Hóa

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Vân** – Cán bộ Tòa án

Đại diện VKSND Q. Hoàng Mai tham gia phiên tòa:

*Bà **Bùi Thị Thu Huyền** – Kiểm sát viên.*

Ngày 27 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số **837/2017/TLST-HNGĐ** ngày 11/10/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **74** ngày 15/11/2017 về việc “*Xin ly hôn*” giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Đức T** – sinh năm 1971 (Có mặt)

*** Bị đơn:** Chị **Vũ Thị L** – sinh năm 1976 (Có mặt)

Cùng ĐKKHKT: Tổ 27A phường K, quận H, Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

Anh và chị Vũ Thị L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/10/2000 tại UBND xã K, huyện T, nay là phường K, quận H, Hà Nội. Trước đó chưa ai có vợ,

có chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà số 3 ngách 204/5 đường Kim Giang, tổ 27A phường K, quận H, Hà Nội là nhà của bố mẹ đẻ anh.

Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu cũng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng đến cuối năm 2009 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L có quan hệ với người khác. Việc này anh đã từng trao đổi, khuyên bảo chị L rất nhiều nhưng chị L không thay đổi. Việc anh trình bày chị L có quan hệ với người khác, chị L cũng đã từng thừa nhận với anh. Anh không có tài liệu, chứng cứ gì để nộp cho Tòa án. Từ năm 2010 vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một cuộc sống riêng, kinh tế riêng, anh không quan tâm chị L làm gì và sống như thế nào. Năm 2010 anh cũng đã mang đơn ra Tòa án yêu cầu giải quyết việc ly hôn nhưng nghĩ vì gia đình, vì bố anh thời điểm đấy nên anh đã rút đơn về. Nay vợ chồng ly thân cũng đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Khánh H – sinh ngày 22/12/2002 và Nguyễn Trường G – sinh ngày 19/5/2006. Anh không mong muốn phải chia các con ra nhưng sau khi ly hôn anh có nguyện vọng xin nuôi cháu G, còn cháu H là con gái thì ở với mẹ. Việc mỗi người nuôi một con không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa, bị đơn là chị Vũ Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/10/2000 tại UBND xã K, huyện Thanh T, nay là phường K, quận H, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà số 3 ngách 204/5 đường K, tổ 27A phường K, quận H, Hà Nội là nhà của bố mẹ đẻ anh. Quá trình chung sống vợ chồng như anh T trình bày tại Tòa án là không đúng. Không có chuyện chị có quan hệ với người khác, chị chưa bao giờ có hành vi như vậy. Chị vẫn một lòng vì chồng vì con nhưng anh T nghĩ

chị có quan hệ với người khác dẫn đến việc nghi ngờ chị nên cuộc sống vợ chồng có lúc cãi vã, mâu thuẫn nhưng chị vẫn yêu thương chồng con, chị không đồng ý ly hôn, chị đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Khánh H – sinh ngày 22/12/2002 và Nguyễn Trường G – sinh ngày 19/5/2006. Chị không đồng ý ly hôn nên không nghĩ đến việc chia cách các con nhưng nếu phải ly hôn chị xin được nuôi cả 2 con và yêu cầu anh T phải có trách nhiệm với con.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Chị xác nhận chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn anh Nguyễn Đức T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do chị L có quan hệ ngoại tình, tại Tòa anh T không đưa ra được chứng cứ và bằng chứng để chứng minh chị L có quan hệ với người khác. Anh T cho rằng vợ chồng mặc dù không cãi chửi nhau, không có việc bạo lực gia đình nhưng anh không còn yêu thương chị L, anh không thể tiếp tục chung sống được và vẫn giữ yêu cầu ly hôn chị Vũ Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Khánh H – sinh ngày 22/12/2002 và Nguyễn Trường G – sinh ngày 19/5/2006. Anh không mong muốn phải chia các con ra nhưng sau khi ly hôn anh có nguyện vọng xin nuôi cháu G, còn cháu H là con gái thì ở với mẹ. Việc mỗi người nuôi một con không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung là động sản và bất động sản: Anh xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Bị đơn chị Vũ Thị L không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng như anh T trình bày là không đúng. Không có chuyện chị có quan hệ với người khác, Chị vẫn một lòng vì chồng vì con nhưng anh T nghĩ chị có quan hệ với người khác dẫn đến việc nghi ngờ chị nên cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chị vẫn yêu thương

chồng con, chị không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án xử bác đơn ly hôn của anh T để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Khánh H– sinh ngày 22/12/2002 và Nguyễn Trường G– sinh ngày 19/5/2006. Chị không đồng ý ly hôn nên không nghĩ đến việc chia cách các con nhưng nếu phải ly hôn chị xin được nuôi cả 2 con và yêu cầu anh Thanh phải có trách nhiệm với con chung.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Chị xác nhận chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai tham gia phiên toà phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của đương sự, Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

- Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền của TAND quận Hoàng Mai. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng trong quá trình thụ lý vụ án, điều tra xác minh, hòa giải, giao thông báo của Tòa án cho các đương sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định của luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các thông báo của Tòa án.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Việc mâu thuẫn giữa anh T và chị L chưa đến mức trầm trọng, xác minh tổ trưởng tổ dân phố thể hiện vợ chồng anh T, chị L không có mâu thuẫn gì lớn, tổ dân phố chưa bao giờ phải hòa giải, đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị xử bác đơn ly hôn của anh T là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa. Sau phân hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Anh Nguyễn Đức T xin ly hôn chị Vũ Thị L. Hiện anh T, chị L đều đăng ký HKTT tại tổ 27A phường K, quận H, Hà Nội và cùng ở tại địa chỉ số 3 ngách 205/4 đường K, tổ 27A phường K, quận H, Hà Nội. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đức T: Tài liệu trong hồ sơ thể hiện anh Nguyễn Đức T và chị Vũ Thị L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/10/2000 tại UBND xã K, huyện T cũ nay là phường K, quận H, Hà Nội (theo sổ đăng ký kết hôn số 47 ngày 16/10/2000). Trước đó chưa ai có vợ, có chồng. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của anh T, chị L, Tòa án làm việc với đại diện tổ dân phố địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị L chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, chưa có ai vi phạm nghiêm trọng đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, không có bạo lực gia đình. Chị L vẫn còn thương yêu anh T. Vợ chồng vẫn cùng nhau có trách nhiệm với gia đình, với các con. Anh T không đưa ra được chứng cứ chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục. Làm việc với đại diện tổ dân phố địa phương nhận thấy vợ chồng anh T, chị L không có mâu thuẫn trầm trọng nên bác yêu cầu xin ly hôn của anh T để vợ chồng cùng nhau khắc phục những mâu thuẫn nhỏ, tiếp tục chung sống hạnh phúc với nhau là phù hợp.

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân & Gia đình năm 2014: Bác yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đức T.

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm 1.1 khoản 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp đủ 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hoàng Mai.

Anh Nguyễn Đức T, chị Vũ Thị L có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điểm a khoản 1, Điều 39; Điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đức T

Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Thanh đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0008906 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai.

Anh Nguyễn Đức T, chị Vũ Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Hoàng Mai;
- UBND phường K, Quận H;
- Các đương sự
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tâm

